

NHẬN DIỆN KHÔNG GIAN VĂN HÓA QUAN HỌ VÙNG BẮC SÔNG CẦU

TS. BÙI QUANG THANH*
PHẠM NAM THANH**

1. Liên kết xã hội bằng một chuỗi các chuẩn mực được gọi là "lối chơi Quan họ", hàng chục cộng đồng làng xã vùng Bắc Ninh và Bắc Giang, theo thời gian, đã tạo dựng nên một vùng văn hóa rộng lớn gắn liền với một loại hình dân ca vô cùng độc đáo - dân ca Quan họ. Không gian văn hóa ấy nằm gọn trong vùng tam giác của ba con sông, các tuyến giao thông huyết mạch của cư dân Việt cổ xưa kia: trải dài từ vùng đất nằm bên tả ngạn sông Cà Lồ, kéo dài sang đến vùng hạ lưu sông Đuống; từ một phần đất thuộc tả ngạn sông Cầu, xuống tới vùng tả ngạn bên sông Đuống. Đây cũng chính là địa bàn tương ứng với vùng đất cư trú lâu đời của một khối cư dân Việt cổ sinh sống bằng nông nghiệp kết hợp với nghề phụ làm thủ công nghiệp và buôn bán.

Cũng giống như các loại hình sinh hoạt nghệ thuật Chèo, Tuồng, hay Ca trù, Ví, Đúm, Trống quân..., sinh hoạt văn hóa Quan họ có ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống văn hóa tinh thần của người dân trong vùng. Sinh hoạt Quan họ không chỉ hình thành nên một lối chơi, lối hưởng thụ nghệ thuật giàu tính thẩm mỹ của các cộng đồng làng xã, mà còn tác động tới cả cách suy nghĩ, thái độ ứng xử trong quan hệ giữa các thành viên cũng như các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng khác (lễ hội, tục kết chạ, quan hệ hôn nhân...).

Bởi vai trò quan trọng như vậy nên từ trước tới nay, đã có nhiều học giả quan tâm nghiên

cứu về sinh hoạt hát Quan họ và vùng văn hóa Quan họ. Người đầu tiên bắt đầu sưu tầm dân ca Quan họ là Chu Ngọc Chi với công trình *Hát Quan họ* (Nxb. Phú Văn Hiệp, Sài Gòn, 1928); tiếp đó là luận văn *Hát đối đáp nam nữ thanh niên* của Nguyễn Văn Huyền (1934) - trong công trình của mình, ông đã bước đầu đề cập một số quy luật và phương pháp nghiên cứu về lối hát đối, trong đó có dân ca Quan họ. Sau đó, có các tác giả Việt Sinh (1933), Minh Trúc (1937) viết phóng sự giới thiệu sinh hoạt Quan họ và một số địa danh lưu truyền hình thức dân ca Quan họ trên các báo. Vũ Bằng, Nguyễn Duy Kiện (1940), Dương Quảng Hàm giới thiệu Quan họ trong *Việt Nam văn học sử yếu* (1943), Toan Ánh ghi lại nếp hát Quan họ trong *Phong tục Việt Nam* (1943)... Nhìn chung, những công trình công bố trong thời kỳ này mới chỉ là những bút ký miêu tả sơ bộ, giới thiệu khái quát về loại hình hoặc về một sinh hoạt cụ thể của Quan họ. Trong số các tác giả nói trên, chỉ có Nguyễn Duy Kiện là chú ý đến nguồn gốc Quan họ.

Mặc dù có nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về nguồn gốc ra đời của Quan họ (Nguyễn Tiến Chiêu (1954, 1959), Lê Văn Hải (1962), Đặng Văn Lung, Hồng Thao và Trần Linh Quý (1978), Đặng Văn Lung (1980), Trần Linh Quý, Hồng Thao (1997)...), song các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng sinh hoạt hát Quan họ là một loại hình nghệ thuật có giá trị hết sức độc đáo và chiếm một vai trò rất quan trọng trong đời sống sinh

hoạt văn hóa tinh thần của người Kinh Bắc (Luu Hữu Phước, Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc (1962); Lê Hồng Dương và Cù Huy Cận (1972); Đặng Văn Lung, Hồng Thao và Trần Linh Quý (1978), Trần Minh Chính (2000); Nguyễn Phương Châm (1974); Lê Danh Khiêm (1997)...). Ngoài các công trình trên, không thể không nói đến những bài viết trong hội nghị khoa học chuyên đề về Quan họ do Ty Văn hóa Hà Bắc tổ chức (các năm 1965, 1967, 1969, 1971). Đó thực sự là những công trình nghiên cứu có giá trị đóng góp lớn vào lịch sử nghiên cứu Quan họ. Trong các lần hội nghị, đáng chú ý là hội nghị năm 1969 thảo luận phương hướng phát triển Quan họ và đẩy mạnh phong trào ca hát trong tình hình mới và hội nghị năm 1971, thảo luận những vấn đề then chốt còn gây nhiều tranh cãi về hiện tượng Quan họ, sau công bố thành tập kỷ yếu mang tên *Một số vấn đề về dân ca Quan họ*. Có thể nói đây là tập sách thu hút đến mức cao nhất tâm huyết và vốn nghiên cứu của chuyên gia nhiều ngành có liên quan đến Quan họ bấy giờ. Do vậy, nhiều khía cạnh của Quan họ được nêu ra, nhiều cách nhìn về Quan họ được khẳng định, phương pháp nghiên cứu tổng hợp, liên ngành đối với một thể loại dân ca cũng mạnh mẽ hình thành.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đã đề cập tới nhiều mặt của đời sống sinh hoạt Quan họ, từ nguồn gốc hình thành, lễ hội ca hát, nguyên tắc tổ chức sinh hoạt..., cho tới các hình thức sinh hoạt mang tính nghi lễ gắn liền với loại hình nghệ thuật dân gian độc đáo này. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đó, vì nhiều lý do, còn chưa đề cập và phân tích thấu đáo những tác nhân ảnh hưởng tới sinh hoạt văn hóa Quan họ; mới chủ yếu nghiên cứu vùng Quan họ phía Nam sông Cầu mà chưa sâu sắc nghiên cứu một cách thấu đáo vùng Quan họ phía Bắc sông Cầu - nơi nếu tìm hiểu sẽ cho chúng ta những phát hiện lý thú về một vùng biên giao thoa văn hóa Quan họ (có thể còn lưu giữ nhiều yếu tố của sinh hoạt văn hóa Quan họ cổ...). Ngoài ra, do các công trình nghiên cứu đã thực hiện cách đây hàng chục năm, nên phần nào những kết quả nghiên cứu ấy đã bộc lộ sự bất cập trước những tư liệu mới...

2. Có một thực tế là, trong không ít các nhà khoa học, những người làm công tác quản lý và

khá nhiều dân chúng vùng đồng bằng Bắc Bộ đã và đang tồn tại một cách hiểu về khái niệm không gian từ cụm từ "Quan họ Bắc Ninh". Theo cách hiểu này thì, phạm vi tồn tại và lưu truyền loại hình dân ca Quan họ gần như nằm trọn trong địa phận/cương vực của tỉnh Bắc Ninh hiện nay. Trong cuốn sách *Tìm hiểu dân ca Quan họ*, hai tác giả Trần Linh Quý và Hồng Thao - những nhà nghiên cứu Quan họ nổi danh, ở trang 15 có viết: "Các làng Quan họ quần tụ thành vùng Quan họ, phía Nam tiếp giáp với cửa ngõ phía Bắc Thăng Long, phía Tây là sông Ngũ Huyện (Ngũ Huyện Khê), dòng sông đã một thời ôm bọc thành Cổ Loa như một vành đai sâu bảo vệ, rồi xuôi về vùng Quan họ, đổ ra sông Cầu; phía Đông là các núi Vân Khám, Long Khám, Bát Vạn, Phật Tích, núi Chè... mà mỗi dòng khe, mỗi mỏm đá đều chứa đựng bao nhiêu cổ tích một thời; phía Bắc là dòng sông Cầu, một dòng sông của những sự tích anh hùng, của những nương dâu bát ngát, của những lời hẹn ước, nguyện thề".

Như vậy là, cứ theo cái cương vực (bằng ngôn từ) này về vùng Quan họ Bắc Ninh, thì dường như, vùng bắc sông Cầu gần như "vành đai trắng", không tồn tại loại hình sinh hoạt dân ca Quan họ, trừ 5 làng được các tác giả xác định thuộc đất Việt Yên (Nội Ninh, Mai Vũ, Sen Hồ, Giá Sơn và Hữu Nghị).

Trước hết, nhận diện về mặt hành chính đã được các đời xác lập và nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Huyền đã điểm lại qua tiểu luận Bản đồ phân bố các vị thành hoàng (in lại trong bộ sách: *Nguyễn Văn Huyền - tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, 2003) thì, gần như toàn bộ phần đất của hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang hiện nay thời Hùng Vương (thiên niên kỷ đầu tiên trước Công nguyên) thuộc bộ Vũ Ninh, thời nhà Tần (214 - 207 tr.CN) thuộc quận Giao Chỉ, Thời Ngô (226 - 280 CN) thuộc quận Giao Châu. Thời Tiền Lê (980 - 1009) vùng Bắc Ninh là một bộ phận của Bắc Giang. Thời Trần, cả vùng đất rộng lớn này thuộc lộ Bắc Giang, sau đổi là lộ Kinh Bắc. Thời nhà Minh chiếm đóng (1414 - 1428) đổi là phủ Bắc Giang. Thời Hậu Lê, tên gọi vùng đất này còn tiếp tục thay đổi nhiều lần. Đến năm đầu của triều đại Nguyễn Gia Long (1802) trấn Kinh Bắc được lập ra, với 4 phủ (20 huyện), bao gồm các phần đất của 3 tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Phúc Yên ngày nay. *Thời Minh*

Mạng, năm thứ 3 (1822) đặt ra Bắc Ninh trấn, đến năm thứ 12 (1831) đổi là *Bắc Ninh tỉnh*. Năm 1895, thực dân Pháp tách phủ Lạng Giang và các huyện Phượng Nhãn, Yên Dũng, Lục Ngạn, Hiệp Hoà, Yên Thế, Việt Yên và Hữu Lũng ra khỏi tỉnh Bắc Ninh để thành lập tỉnh Bắc Giang.

Như vậy, theo danh xưng của địa vực hành chính theo tiến trình lịch sử trên đây, chúng ta nhận ra sự xuất hiện của dân ca Quan họ - như các nhà nghiên cứu xác nhận, muộn nhất cũng là từ khoảng nửa cuối thế kỷ 19, trên cả vùng đất thuộc tỉnh Bắc Ninh xưa, bao gồm cả 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang do thực dân Pháp phân tách ra sau này. Và như thế, khái niệm Quan họ Bắc Ninh, được dân gian truyền tụng, thực chất bao gồm phần đất rộng lớn thuộc cả phía Nam và phía Bắc sông Cầu. Có lẽ, cách hiểu phạm vi không gian hạn hẹp trong cụm từ *Quan họ Bắc Ninh* tương ứng với địa phận tỉnh Bắc Ninh sau này đã là một trong những nguyên nhân thu hút sự chú ý và quan tâm của các nhà sưu tầm, nghiên cứu Quan họ chủ yếu vào các làng Quan họ phía Nam sông Cầu, theo đó, hầu hết vùng bắc sông Cầu, nơi đã có sự hiện diện của hàng chục làng Quan họ trải dài theo triền sông Cầu và các vùng phụ cận, suốt từ Hiệp Hòa cho đến Việt Yên, Yên Dũng, Lục Ngạn, đã bị lãng quên qua hàng thế kỷ!?

Cho đến nay, quả thực, chúng tôi vẫn chưa hiểu được vì sao, gần nửa thế kỷ qua, hầu hết các công trình nghiên cứu, giới thiệu di sản văn hóa Quan họ trên sách báo Trung ương và địa phương luôn luôn khẳng định sự tồn tại của *49 làng Quan họ gốc*. Riêng khái niệm "gốc" ở đây, xét về mặt logic đã là chuyện vô lý. Không có lẽ, cùng một đối tượng là sinh hoạt dân ca của dân gian lại được nảy sinh từ hàng chục làng gốc như vậy?! Thiết nghĩ, nên dừng lại ở cách hiểu hay xác định khái niệm làng Quan họ là làng có hình thức sinh hoạt ca hát Quan họ là chủ đạo, là tính trội lấn át các hình thức ca hát khác, được duy trì bởi các bọn hát, truyền từ đời này sang đời khác, có sự kết bạn với các bọn Quan họ làng khác và được giới hát Quan họ chấp nhận hoặc đến tham gia.

Trong số những người, vốn rất hiếm hoi, am tường lễ lối sinh hoạt và các giai điệu/giọng, bài bản Quan họ, các ông Trần Linh Quý và Hồng Thao chỉ dừng ở khái niệm "49 làng Quan họ", và nhà nghiên cứu Quan họ trong phạm vi địa

vực này. Trần Linh Quý là người đầu tiên đưa ra *con số 49 làng* cùng cụm khái niệm định tính cho một giọng hát Quan họ chuẩn phải đảm bảo *Vang - Rền - Nền - Nảy*, thường xuyên được giới nghiên cứu và sưu tầm Quan họ nhắc đi nhắc lại trong gần nửa thế kỷ qua!

Là những người không tin vào sự tồn tại của con số 49 làng Quan họ như giới nghiên cứu sưu tầm đã và đang khẳng định, chúng tôi đã tìm cho mình những luận điểm khoa học để khả dĩ, dựa vào đó có thể khảo sát được một vùng đất văn hóa giàu có và sinh động phía Bắc sông Cầu, mà dự cảm nơi đây sẽ còn không ít làng Quan họ (theo tiêu chí nhận diện của thể hệ nghiên cứu đi trước), không chỉ bó hẹp trong phạm vi đất huyện Việt Yên, mà có thể còn ở Hiệp Hòa, Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn thuộc xứ Kinh Bắc xưa!

3. Ngay từ năm 1973, trong hội thảo khoa học về mảnh đất "*Hà Bắc ngàn năm văn hiến*", nhà nghiên cứu Trần Quốc Vượng đã đưa ra một cái nhìn sắc sảo về vùng đất Kinh Bắc - xứ Bắc ngày xưa từ góc độ địa - văn hóa. Đánh giá đất Kinh Bắc trên trục lịch sử và không gian văn hóa, ông đã cô đọng trong nhận thức về xứ Bắc - Kinh Bắc: "Đấy là nơi tụ cư của quân lính Hán - Lạc Triều, của sĩ phu, học trò Hán tộc, của dân nghèo Hán tộc sang sinh cơ lập nghiệp. Đấy là nơi trụ trì và truyền đạo của các nhà sư Thiên Trúc, Hán, Hồ, Khơ Me... Xứ Bắc xưa là ngã tư đường của các đường giao lưu văn hóa Nam, Bắc, Đông, Tây. Để đến thời Lý, đây lại là nơi nở rộ các chùa chiền ("cầu Nam, chùa Bắc, đình Đoài"); quê hương nhà Lý, quê hương Ý Lan cũng là nơi an táng nhiều tù binh và nghệ sĩ Chiêm Thành. Theo tôi, mọi loại hình văn hóa độc đáo của xứ Bắc chúng ta, đặc biệt là dân ca Quan họ Bắc Ninh cần được cứu xét trong bối cảnh lịch sử - xã hội đó (xem: *Hà Bắc ngàn năm văn hiến*, tập III, Tỳ Văn hóa Hà Bắc xuất bản. 1974, tr 45).

Theo cách nhìn nhận và xem xét vị thế Kinh Bắc trong mối giao thoa văn hóa với tứ phương như trên, chúng tôi đi đến đã đất Bắc Giang và nhận thấy/thu hoạch được một số kết quả sau:

- Vùng đất bắc sông Cầu là nơi có sự giao lưu văn hóa của nhiều tộc người. Văn hóa Việt cổ khẳng định mình trong lịch sử và cũng thu nạp nhiều luồng văn hóa để bản địa hóa, tạo ra bản sắc cho mình qua nhiều thế kỷ. Trên vùng đất Bắc Giang, kéo dài từ Lục Ngạn đến Yên

Dũng, Việt Yên, Hiệp Hoà từ 4 - 5 thế kỷ gần đây là khu vực diễn ra sự giao thoa/giao lưu văn hóa tộc người sinh động, đa dạng và phức tạp giữa người Việt cổ với các dân tộc Tày, Nùng, Sán Dìu, Cao Lan - Sán Chí (Sán Chay),... Đây là đặc điểm mà ở vùng đất phía Nam sông Cầu không có được.

- Tìm hiểu kho tàng dân ca Cao Lan - Sán Chí, những cư dân vốn từ Quảng Đông, Quảng Tây, Trung Quốc di cư sang đất Bắc Giang từ khoảng 300 - 400 năm nay, chúng tôi nhận ra trong hệ thống các bài hát giao duyên của người Sán Chay có rất nhiều nét tương đồng về cách thức, lễ lối, trang phục, không gian sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng với dân ca Quan họ Kinh Bắc¹. Theo gia phả của một số dòng họ lớn người Sán Chay còn lưu giữ, cha ông người Sán Chay di cư sang Việt Nam từ cuối đời Minh, đầu đời Thanh, theo hai ngã đường: đi đường bộ qua biên giới Việt Trung và đi đường biển dạt vào các hải khẩu của Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, rồi theo các triền sông Hồng, Thái Bình, sông Cầu ngược lên hướng Tây - Bắc, cư trú rải rác từ Quảng Ninh, Lạng Sơn, Bắc Giang đến Thái Nguyên, Bắc Cạn, Tuyên Quang,... Điều dễ thấy là, các bài bản tổ chức một cuộc hát giao duyên của người Sán Chay (nam - nữ) có rất nhiều nét tương đồng với cách thức sinh hoạt Quan họ của người Việt thuộc các huyện Bắc sông Cầu, ở hàng chục làng từ Lục Nam, Lục Ngạn đến Yên Dũng, Việt Yên.

Từ sự giống nhau/tương đồng khá đặc biệt này, chúng tôi bước đầu nêu ra giả thiết: Phải chăng dân ca giao duyên Sán Chay, với các lễ lối, cách thức sinh hoạt của nó qua hàng trăm năm giao thoa với sli - lượn của Tày - Nùng và những Ví, Đúm, Geo, Trống quân, Chèo của người Việt, đã góp phần cơ bản làm cội nguồn cho người Việt sáng tạo ra hình thức sinh hoạt dân ca vùng Bắc sông Cầu. Và, sản phẩm văn hóa mang tính lịch sử đó, qua những thử thách khắc nghiệt trong quá khứ (bị giai cấp thống trị, ngoại xâm cấm đoán, triệt phá không cho tụ tập ca hát...) đã dạt về phía Nam sông Cầu và sinh sôi nảy nở, lưu truyền sâu đậm trên các làng quê của Bắc Ninh ngày nay?

4. Với giả thiết khoa học này, chúng tôi sẽ chứng minh qua nguồn tư liệu cụ thể trong thời gian tới. Nếu điều này được minh bạch thì, vùng văn hóa Quan họ không thể chỉ giới hạn ở 5 làng thuộc huyện Việt Yên như lâu nay các nhà

sâu tằm và nghiên cứu đã và đang khẳng định.

Luận đề khoa học của chúng tôi vốn thực ra đã được kiểm nghiệm từ những năm 30 của thế kỷ trước. Ví dụ, bài báo in nhiều kỳ của Minh Trúc trên *Trung Bắc tân văn* đã có đoạn đề cập: "Trong khoảng đất đi từ các làng Thổ Hà, Mạt Ninh, và Nội Ninh (Bắc Giang) về phía Bắc cho đến các làng của tỉnh Bắc Ninh, giáp giới miền Hà-Nội như làng Lũng Giang (làng Lim), Nội Duệ, Long Khám ở phía Nam, ở đây làng nào cũng biết hát và lập hội hát"².

Hay như đoạn viết ngay từ năm 1943 của nhà nghiên cứu phong tục Toan Ánh (quê Thị Cầu - Bắc Ninh): "Từ ngày 4 tháng giêng, mùa Quan họ ở khắp mọi làng vùng Bắc bắt đầu. Trai gái tụ họp nhau để hát buổi đầu tiên ở hội Chắp (Hữu Chắp) rồi họ lại lần lượt hẹn nhau đi khắp các hội ở mấy huyện Võ Giàng, Yên Phong, Tiên Du (Bắc Ninh) rồi Lục Ngạn, Việt Yên (Bắc Giang)" - (*Phong tục Việt Nam...* Toan Ánh, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1969).

Thực tế diễn dã của chúng tôi tại các huyện Yên Dũng, Việt Yên và Hiệp Hoà trong 2 tháng đầu năm 2006 đã cho phép ghi nhận vào danh sách các làng Quan họ vùng Bắc sông Cầu thêm 15 làng, với hàng chục nghệ nhân hát có tuổi đời từ 75 đến 95 và hàng trăm các liền anh, liền chị thuộc các thế hệ.

5. Trong cuốn sách *Tìm hiểu dân ca Quan họ*, các tác giả Trần Linh Quý và Hồng Thao nhận định: "Những năm đầu thế kỷ XX, nếu lấy 2 tiêu chuẩn để định là làng Quan họ: Có các bọn Quan họ đi kết bạn với bọn Quan họ khác giới, khác làng liên tục từ 2, 3 thế hệ trở lên; được Quan họ các làng thừa nhận; thì theo các nghệ nhân còn sống vào mấy năm đầu những năm 70 cho biết có 49 làng Quan họ. Về sau, không còn đủ số làng như vậy" (trang 15). Và, ở trang khác: "Các làng ở Việt Yên đã không đi hát Quan họ với các làng khác từ đầu những năm 30. Một số làng khác ở phía Nam sông Cầu đến trước cách mạng Tháng Tám - 1945 và sau này cũng không còn hát hay ít hát, hoặc chỉ có một vài người còn hát được" (trang 18).

Thực tế diễn dã ở gần 20 làng thuộc các huyện Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hoà (Bắc Giang) cho chúng tôi kết quả hoàn toàn ngược lại. Trong hai chuyến đi cùng nhà nghiên cứu Trần Linh Quý về Việt Yên, chúng tôi theo tiêu chí thẩm định của ông để tìm hiểu. Theo ông, năm 1944 là thời điểm các làng vùng Kinh Bắc

bắt đầu bị cấm hoặc không hát Quan họ do Nhật - Pháp bắn nhau và sự sụp đổ của chế độ cũ. Nửa thế kỷ tiếp đó, Quan họ cổ cũng không được hát vì lời hát giao duyên (Sông sâu chớ lội đò đầy chớ qua...) không phù hợp với điều kiện lịch sử - xã hội có chiến tranh (xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước...). Để phục vụ nhiệm vụ chính trị trong hoàn cảnh mới, Quan họ liền được cải biên, đặt ra lời mới cho phù hợp. Do vậy, nếu những liền anh, liền chị học được/được truyền Quan họ đầu những năm 40 của thế kỷ trước, đến nay ít nhất phải ở lứa tuổi 75 - 78 trở lên. Những năm sau này, làng nào có "bọn" Quan họ cao niên như thế và có sự truyền dạy cho các lớp trẻ mới được coi là làng Quan họ.

Bám theo các triền núi ven sông Cầu, từ dãy Nham Biền (Yên Dũng) về đến các dải núi sót Phượng Hoàng, Kẻ Đất (Việt Yên), với tiêu chí của nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi đã tìm ra ở từng làng một đội ngũ nghệ nhân đồng đảo - đó là các làng tiêu biểu: Bùi Kép, Bùi Bến thuộc xã Yên Lư, huyện Yên Dũng; Đình Cả (Tiên Sơn), Trung Đông (Vân Trung), Quang Biểu (Quang Châu)... huyện Việt Yên; làng Cẩm Xuyên (Xuyên Cẩm), huyện Hiệp Hòa. Đặc điểm chung của các nghệ nhân này là:

- Là những người cao niên, từ 75 tuổi trở lên, nhiều người trong độ tuổi 80 - 85 vẫn còn minh mẫn kể lại ký ức thời son trẻ và còn nhớ được hàng chục bài Quan họ cổ. Tất cả đều "chơi" Quan họ từ khi còn trẻ (16 - 20 tuổi), học hát từ người ruột thịt (bố mẹ, ông bà) và các nghệ nhân trong vùng.

- Thường xuyên đi hát tại các lễ hội hay ngày vui của các bọn Quan họ làng khác có kết nghĩa và ngược lại, mời bọn Quan họ đến làng mình hát.

- Nửa thế kỷ qua vẫn quan tâm truyền dạy cho con cháu trong nhà và trong làng.

- Hiện nay, do tuổi đã quá cao nên quên nhiều và hát ít, không có điều kiện đi giao lưu

do sức khỏe và ngại hát vì không hợp với loại sinh hoạt Quan họ mới của con cháu.

- Một số nghệ nhân còn thuộc được những bài Quan họ cổ (hiện không còn nghe thấy hát ở các làng khác).

Từ những trình bày trên đây về không gian văn hóa Quan họ vùng Bắc sông Cầu, chúng tôi tạm rút ra mấy nhận xét cơ bản sau đây:

- Không gian sinh hoạt văn hóa Quan họ vùng Bắc sông Cầu là một không gian văn hóa đặc biệt, kéo dài theo triền/bãi sông Cầu và các dãy núi sót từ Lục Ngạn qua Yên Dũng đến Việt Yên, Hiệp Hoà. Đây cũng chính là địa bàn giao thoa của văn hóa nhiều tộc người và giữa các nền văn hóa đó có rất nhiều nét tương đồng với văn hóa Quan họ Kinh Bắc.

- Nhiều làng Quan họ Bắc sông Cầu lần đầu tiên được khảo sát và xét theo tiêu chí do các nhà nghiên cứu đi trước đặt ra, xứng đáng có tên trong danh sách các làng Quan họ Kinh Bắc.

- Tìm hiểu không gian văn hóa Quan họ vùng Bắc sông Cầu tạo cho ta bước đột phá mới để góp phần giải quyết vấn đề nguồn gốc dân ca Quan họ và "đường đi" của nó trong tiến trình lịch sử, từ đó giúp cho giới nghiên cứu và các nhà quản lý văn hóa có sự nhận diện chân xác về không gian sinh hoạt văn hóa Quan họ xứ Kinh Bắc xưa (bao gồm địa phận 2 tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh hiện nay), góp phần đưa ra những kế sách khoa học, phù hợp với thực tiễn trong việc bảo vệ và phát huy nguồn di sản văn hóa truyền thống cực kỳ quý báu này!

B.Q.T - P.N.T

Chú thích:

1 - Bùi Quang Thanh: "Từ một số nét tương đồng giữa sinh hoạt dân ca Sán Chay với dân ca Quan họ Kinh Bắc", *Tạp chí Di sản văn hóa*, số.4 (17) - 2006, tr. 89 - 94.

2 - Minh Trúc: Hát Quan họ, báo *Trung Bắc tân văn*, số 5962, 4 - 3 -1937.

IDENTIFICATION OF THE SPACE OF QUAN HỌ CULTURE IN THE NORTHERN AREA OF CẦU RIVER. BUI QUANG THANH, PHD AND PHAM NAM THANH

From the view that the space of Quan họ culture covered in the prefectures of present Bắc Ninh and Bắc Giang and from fieldwork findings in the Northern area of Cầu River, it is remarked by the authors that the space of Quan họ culture of Northern Cầu River area expands from its north basin and mountain ranges of Lục Ngạn, to Yên Dũng, Việt Yên, and Hiệp Hòa. This area is considered as a melting pot of multi - ethnic cultures. Among these cultures, similarities to the Kinh Bắc's Quan họ culture have been observed. The researching of this special cultural space will contribute to resolving the issues of origin and evolution of Quan họ folk music in the history.